TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 514/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Trung Thành

Bà Lê Trần Minh Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ là Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 131, tổ 05, ấp BĐ, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trương Quốc D, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp BT, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2018 và lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà và ông Trương Quốc D chung sống với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã BL. Vợ chồng chung sống với cha mẹ chồng đến năm 2012 mẹ chồng nợ nần, kinh tế khó khăn, nhà bị phát mại,

ông D bỏ địa phương đi theo cha mẹ chồng. Bà cùng con về nhà cha mẹ ruột sống từ đó đến nay. Bà và ông D chỉ liên lạc qua điện thoại, không còn chung sống với nhau đã hơn 06 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông D.

Bà và ông D có 02 con chung tên Trương Quốc V1, sinh năm 2007 và Trương Thị Ngọc V2, sinh năm 2011. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Bà và ông D không có tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu cho bà V được ly hôn ông D. Bà V được tiếp tục nuôi hai con chung, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông D là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng không có mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà V và ông D chung sống năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Long năm 2007. Bà V cho rằng vợ chồng chung sống với gia đình chồng nhưng mẹ chồng nợ nần, bị phát mại nhà ở, kinh tế khó khăn, cả gia đình chồng bỏ địa phương đến nơi khác làm nhiều nghề mưu sinh kiếm sống. Bà nhiều lần liên lạc nhưng ông D yêu cầu ly hôn. Bà ly thân với ông D từ năm 2012 đến nay, mục đích hôn nhân không còn đạt được bà xin ly hôn ông D. Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông D để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn bà V về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con nhưng ông D không có ý kiến.

Bà V và ông D là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình. Ông D là chồng có nghĩa vụ cùng với bà V lo cho kinh tế gia đình, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng khi kinh tế gia đình khó khăn, ông D cùng với cha mẹ bỏ đi nới khác, đã bỏ mặc vợ và các con. Bà V và ông D ly thân hơn sáu năm nay nhưng cả

hai không còn thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho bà V được ly hôn ông D.

[2.2] Về con chung: Bà V và ông D có 02 con chung tên Trương Quốc V1, sinh năm 2007 và Trương Thị Ngọc V2, sinh năm 2011, bà V yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Cháu V1 và cháu V2 đều có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ. Cháu V1 và V2 từ năm 2012 đến nay bà V là người trực tiếp nuôi con, lo cho ăn học, đủ điều kiện nuôi dưỡng con do đó Hội đồng xét xử giao bà V được tiếp tục nuôi hai con chung. Bà V không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà V trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được ly hôn ông Trương Quốc D.

Về con chung: Trương Quốc V1, sinh năm 2007 và Trương Thị Ngọc V2, sinh năm 2011 giao cho bà V được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà V không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Bà V và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông D thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở ông D thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí:

Bà V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002251 ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Bà V không còn phải nộp thêm án phí.

Bà V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Ông D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã Bình Long
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Văn